

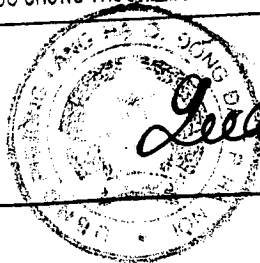
BẢN SAO

TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 27/05/2014

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BẢNG CHÍNH
CHỨNG THỰC
Viết TH
16-09-2015
SỐ CHỨNG THỰC: 2.2.6.9. QUYỀN SỐ: 0.4 SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN CẢNH QUANG

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

3-5

Báo cáo Kiểm toán độc lập

6-7

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán

8-11

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

12

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

13

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

14-32

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 27 tháng 05 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên, trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Cầu Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 4978/QĐ-TCCB-TĐ ngày 02/12/1995, Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB ngày 22/4/1998 và Quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 110743 ngày 26/6/1996 do Ủy ban Kế hoạch cấp, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 số 0106000765 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2013 về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty mẹ Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long thành công ty cổ phần.

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính Tổng Công ty

Trụ sở Tổng Công ty: Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/07/2014 là 300.000.000.000 đồng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Khương Thế Duy	Ủy viên
Ông Vũ Hồng Phương	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hồng Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/6/2014
Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/6/2014
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Khương Thế Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng	

Đỗ (c) 03/11/2014
Bùi (c) 11/09/2014
Bùi Văn Rạng 07/10/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tư vấn Hà Nội (HanoiAC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 27 tháng 05 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 27 tháng 05 năm 2014. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 27 tháng 05 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 27 tháng 05 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Phương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2014

Số: 60 /2014/HanoiAC-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 27/05/2014
của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tư vấn Hà Nội (HanoiAC) đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 27 tháng 05 năm 2014 cùng Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 27 tháng 05 năm 2014 của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long ("Tổng Công ty") được trình bày từ trang 08 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty tại ngày 27/05/2014, do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Tổng Công ty sau thời điểm nêu trên. Bằng các tài liệu Tổng Công ty cung cấp, cùng các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tình trạng của các khoản mục nêu trên.

Tại ngày 27/05/2014, một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Tổng Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tình trạng của chúng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long tại ngày 27/05/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 27/05/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Việt Dũng

Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0894-2013-158-1*

Triệu Văn Giáp

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2273-2013-158-1*

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TƯ VẤN HÀ NỘI (HanoiAC)

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 27 tháng 05 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	27/05/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.925.292.518.334	1.535.046.988.433
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		442.480.131.938	94.138.966.088
1. Tiền	111	V.01	440.890.131.938	86.138.966.088
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.590.000.000	8.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.029.623.569.424	1.037.583.882.663
1. Phải thu khách hàng	131		148.508.318.564	225.688.031.136
2. Trả trước cho người bán	132		833.073.201.251	778.415.108.630
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	48.042.049.609	33.480.742.897
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		391.634.387.656	254.445.406.614
1. Hàng tồn kho	141	V.04	391.634.387.656	254.445.406.614
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.554.429.316	148.878.733.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.561.840	1.457.410.345
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.397.119.060	11.767.035.403
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	6.212.129.056	5.909.322.599
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		31.838.619.360	129.744.964.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 27 tháng 05 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	27/05/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		248.249.761.006	243.128.255.2
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.796.104.515	44.586.466.3
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	44.454.928.273	38.447.70
- Nguyên giá	222		131.591.265.300	121.831.469.4
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(87.136.337.027)	(83.383.765.2
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	5.341.176.242	6.138.76
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		186.812.199.951	186.812.19
1. Đầu tư vào công ty con	251		51.273.170.935	51.273.170.9
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		128.724.029.016	128.724.029
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	6.815.000.000	6.815.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.641.456.540	11.729.588.8
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	11.641.456.540	11.729.588.8
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.173.542.279.340	1.778.175.243

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 27 tháng 05 năm 2014

Đơn vị tính: VT

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	27/05/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.936.600.234.685	1.545.615.008.47
I. Nợ ngắn hạn	310		1.893.198.492.974	1.525.330.536.62
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	390.219.529.182	379.078.125.17
2. Phải trả người bán	312		329.020.504.591	336.734.184.96
3. Người mua trả tiền trước	313		703.292.214.032	689.083.205.94
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	9.871.962.933	10.479.067.67
5. Phải trả người lao động	315		28.302.561.639	17.750.931.01
6. Chi phí phải trả	316	V.12	23.558.203.769	17.768.380.94
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	410.513.959.544	65.704.527.10
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.580.442.715)	8.732.113.81
II. Nợ dài hạn	330		43.401.741.711	20.284.471.85
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	14.847.294.711	20.284.471.85
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		28.554.447.000	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.942.044.654	232.560.235.18
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	236.942.044.654	232.560.235.18
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		188.382.982.443	188.553.484.95
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		30.856.509.850	30.856.509.85
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.284.039.765	8.314.654.82
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.765.705.155	4.835.585.55
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.652.807.441	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.173.542.279.340	1.778.175.243.66

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 27 tháng 05 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	27/05/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		312.678,27	213.057,99
JPY		56.051.154,00	55.282.112,50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc ()

Thành phố Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu

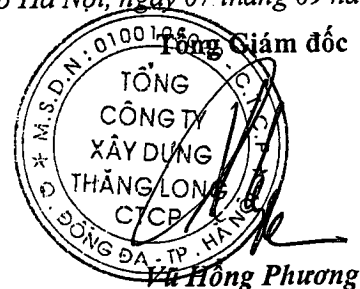


Nguyễn Quang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Văn An



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 27/05/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	667.206.463.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	667.206.463.319
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	625.435.220.909
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.771.242.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	34.380.661.556
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	28.591.129.533
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.193.894.141
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.223.422.214
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.337.352.219
11. Thu nhập khác	31	VI.07	2.222.923.254
12. Chi phí khác	32	VI.08	6.589.563.111
13. Lợi nhuận khác	40		(4.366.639.857)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.970.712.362
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.317.904.920
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.652.807.441

Thành phố Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Quang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Văn An

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 27/05/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	532.373.847.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(515.042.681.431)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(34.538.053.373)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(19.352.486.311)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.218.283.323)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	582.515.894.618
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(192.634.244.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	351.103.992.854
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(9.943.248.114)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.475.576.237
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.467.671.887)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	750.400.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(750.400.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	168.325.722.296
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(162.620.877.418)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.704.844.878
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	348.341.165.850
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	94.138.966.011
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	442.480.131.911

Thành phố Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Ks. Hồng Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ toán từ 01/01/2014 đến 27/05/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu

Là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, giám sát xây dựng và xây dựng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Tiền mặt: căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- Tiền gửi ngân hàng: căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán được thực hiện theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính:

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại nơi có giao dịch phát sinh.
- Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu - VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.

Tổng Công ty không có khoản phải thu thương mại cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013/Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Tổng Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Tổng Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Tổng Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

07. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm, bao gồm:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán;
- Chi phí khác được vốn hóa là chi phí thành lập doanh nghiệp được hoãn lại để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm kể từ khi bắt đầu có doanh thu.

Phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc dựa vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

08. Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

09. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được ghi nhận là vay dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định số 3049/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ thể hiện kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ hoặc việc áp dụng các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	27/05/2014	01/01/2014
- Tiền mặt	2.092.055.154	1.757.598.904
- Tiền gửi ngân hàng	438.798.076.784	84.381.367.184
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	440.890.131.938	86.138.966.088

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	27/05/2014	01/01/2014
- Phải thu về cổ phần hoá	1.155.209.090	941.323.545
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	18.000.000	-
- Phải thu khác	46.868.840.519	32.539.419.352
+ Phải thu Ban ĐHDA liên danh	7.922.925.233	7.922.925.233
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long	3.564.354.126	3.564.354.126
+ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	4.955.604.000	4.955.604.000
+ Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	1.869.651.270	1.869.651.270
+ Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	1.524.634.345	1.524.634.345
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 10 Thăng Long	1.503.923.501	1.503.923.501
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	1.389.181.492	1.389.181.492
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	1.338.230.000	1.338.230.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	1.617.682.500	1.617.682.500
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài	1.056.949.196	1.056.949.196
+ Công ty Cổ phần Xây dựng 1.1.6.8	403.354.625	403.354.625
+ Khác	19.722.350.231	5.392.929.064
Cộng	48.042.049.609	33.480.742.897

04. Hàng tồn kho

	27/05/2014	01/01/2014
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.850.106.524	11.497.419.815
- Công cụ, dụng cụ	137.226.274	984.860.462
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	389.647.054.858	241.963.126.337
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	391.634.387.656	254.445.406.614

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	27/05/2014	01/01/2014
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	6.177.267.730	5.909.322.599
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	28.771.326	-
- Thuế tài nguyên nộp thừa	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	6.090.000	-
- Thuế khác nộp thừa	-	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	6.212.129.056	5.909.322.599

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình - Phụ lục 01

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	27/05/2014	01/01/2014
Bao gồm các công trình:		6.138.762.201
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	1.850.707.012
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31.874.512	31.874.512
- Chế tạo cầu trục 30T	-	1.719.216.020
- Chế tạo ván khuôn đáy dầm Cát Linh	-	1.429.284.664
- Chế tạo mũi dầm - giá pooc tích cầu EA Súp	-	664.446.529
- Nhà văn phòng Phạm Văn Đồng	3.396.323.832	-
- Chế tạo bể vệ sinh	11.972.986	-
- Chế tạo cầu trục 10T	50.297.900	-
- Các công trình khác	-	443.233.464
Cộng	5.341.176.242	6.138.762.201

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014
đến ngày 27/05/2014**08. Đầu tư dài hạn khác**

	27/05/2014	01/01/2014
- Đầu tư cổ phiếu	6.815.000.000	6.815.000.000
+ Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	6.815.000.000	6.815.000.000
Cộng	6.815.000.000	6.815.000.000

09. Chi phí trả trước dài hạn

	27/05/2014	01/01/2014
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	11.207.445.986	11.295.578.338
- Lợi thế kinh doanh	434.010.554	434.010.554
Cộng	11.641.456.540	11.729.588.892

10. Vay và nợ ngắn hạn

	27/05/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn	390.219.529.182	379.078.125.173
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>390.219.529.182</i>	<i>354.298.125.173</i>
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	234.993.416.305	189.124.400.141
+ Ngân hàng Quân đội CN Thăng Long	21.324.525.924	-
+ Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	69.602.633.557	69.602.633.557
+ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	64.298.953.396	95.571.091.475
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>-</i>	<i>24.780.000.000</i>
+ Bà Lê Thị Ngọc Lan	-	900.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Song Hà	-	380.000.000
+ Bà Đào Mai Huệ	-	700.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Lê Phương	-	1.120.000.000
+ Bà Lê Huyền Phương	-	2.180.000.000
+ Ông Võ Thanh Tùng	-	19.000.000.000
+ Ông Trần Văn Mỹ	-	500.000.000
Cộng	390.219.529.182	379.078.125.173

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	27/05/2014	01/01/2014
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	483.057.389	7.419.068.7
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.208.306.268	2.824.402.937
- Thuế thu nhập cá nhân	22.664.454	147.901.6
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.548.837.328	58.313.540
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.609.097.494	29.380.8
Cộng	9.871.962.933	10.479.067.673

12. Chi phí phải trả

	27/05/2014	01/01/2014
- Chi phí lãi vay	10.641.637.198	9.242.061.198
- Chi phí phải trả khác	12.916.566.571	8.526.319.7
Cộng	23.558.203.769	17.768.380.9

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	27/05/2014	01/01/2014
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	1.035.109.954	486.281.932
- Bảo hiểm xã hội	367.488.133	360.624.568
- Bảo hiểm y tế	135.227.068	58.393.8
- Bảo hiểm thất nghiệp	61.560.579	26.016.596
- Phải trả về cổ phần hóa	330.944.926.314	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.839.221.4
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.969.647.496	62.933.988.636
+ Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long	1.004.314.900	1.303.152.500
+ Công ty Cổ phần ĐTXD & TM Thiên Minh Thanh	16.514.087.055	26.102.713.05
+ Thu vé đường 188-BOT	26.910.832.601	16.514.087.055
+ Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	3.296.704.387	3.296.704.38
+ Các đối tượng khác	30.243.708.553	15.717.331.64
Cộng	410.513.959.544	65.704.527.103

14. Vay và nợ dài hạn

	<u>27/05/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Vay dài hạn	14.847.294.711	16.995.012.984
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>14.847.294.711</i>	<i>16.995.012.984</i>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	14.498.378.516	15.938.919.649
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	348.916.195	1.056.093.335
Nợ dài hạn	-	3.289.458.867
- <i>Nợ thuê tài chính</i>	-	<i>3.289.458.867</i>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Thăng Long		3.289.458.867
Cộng	14.847.294.711	20.284.471.851

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu - Phụ lục 02

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>27/05/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Vốn góp của Nhà nước	188.382.982.443	188.553.484.957
Cộng	188.382.982.443	188.553.484.957

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2014 đến 27/5/2014</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	188.382.982.443
+ Vốn góp tăng trong năm	5.748.831.726
+ Vốn góp giảm trong năm	5.748.831.726
+ Vốn góp cuối năm	188.382.982.443
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó:

- Doanh thu bán vật tư	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.976.542.102
- Doanh thu hoạt động xây dựng	663.229.921.217
Cộng	667.206.463.319

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ 01/01/2014
đến 27/5/2014

Trong đó:

- Doanh thu thuần về bán vật tư
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng

Cộng

3.976.542.107
663.229.921.217
667.206.463.319

04. Giá vốn hàng bán

Từ 01/01/2014
đến 27/5/2014

- Giá vốn của vật tư đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Giá vốn của hoạt động xây dựng

Cộng

1.949.373.972
623.485.846.937
625.435.220.909

05. Doanh thu hoạt động tài chính

Từ 01/01/2014
đến 27/5/2014

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

10.341.026.964
16.058.556.324
7.981.078.268
34.380.661.556

06. Chi phí tài chính

Từ 01/01/2014
đến 27/5/2014

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Chi phí tài chính khác

Cộng

28.193.894.141
17.262.830
379.972.562
28.591.129.533

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Từ 01/01/2014
đến 27/5/2014

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

111.221.666.246
58.861.673.926
6.085.515.034
64.126.150.986
573.434.084.055
813.729.090.247

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long	Công ty liên doanh
Công ty Thi công nền móng Việt Pháp	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	Công ty liên doanh

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Từ 01/01/2014 đến 25/05/2014</i>
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	
Tạm ứng công trình	14.446.975.000
Lãi vay phải thu	241.677.441
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	2.000.000.000
Nhận nợ	5.721.906.271
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	
Tạm ứng công trình	31.653.851.763
Phạt chậm tiến độ	50.000.000
Bù trừ công nợ	2.823.202.984
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	4.185.976.559
Nhận nợ	29.046.411.6
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	
Cho vay	4.417.533.911
Tạm ứng phục vụ thi công	112.490.673
Bù trừ công nợ	28.047.528.525
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	5.072.383.511
Trừ nợ vay	2.687.000.867
Nhận nợ	4.646.466.041
Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	648.849.920
Nhận nợ	1.663.660.911
Bù trừ công nợ	1.644.455.932
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thăng Long	
Tạm ứng thi công công trình	431.658.000
Lãi vay phải thu	60.108.703
Bù trừ công nợ	430.269.111
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	150.000.000
Trừ nợ vay	430.269.111
Nhận nợ	484.040.000
Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	
Tạm ứng công trình	37.246.028.711
Giảm trừ nợ vay	9.485.802.562
Cho vay	43.477.949.901
Bán vật tư	5.549.897.904
Phạt chậm tiến độ	672.000.000
Lãi vay phải thu	474.356.611
Giảm trừ nợ vay	107.988.369.696
Bù trừ công nợ	97.803.286.611
Trừ nợ cổ tức	699.280.541
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	34.260.335.320
Cung cấp dịch vụ	768.872.111
Nhận nợ	21.995.296.540

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014
đến ngày 27/05/2014**Công ty CP Thí nghiệm và Xây dựng điện Thăng Long**

Tạm ứng công trình	654.000.000
Bù trừ công nợ	1.055.309.146
Nhận nợ	422.136.812

Công ty CP Xây dựng số 17 Thăng Long

Cho vay	20.318.306.000
Phải thu về khối lượng xây dựng hoàn thành	3.353.753.000
Lãi vay phải thu	1.075.825.000
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	52.603.954.620
Trừ tạm ứng	19.663.944.145
Nhận nợ	45.048.951.540

Công ty CP Xây dựng số 15 Thăng Long

Cho vay	18.133.820.000
Lãi vay phải thu	546.471.057
Bù trừ công nợ	64.176.855.694
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	1.000.000.000
Nhận nợ	32.573.459.402

Công ty CP Xây dựng số 16 Thăng Long

Cho vay	12.588.896.812
Bù trừ công nợ	627.135.633
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	4.967.803.781
Nhận nợ	3.612.442.060

Công ty CP Xây dựng số 18 Thăng Long

Lãi vay phải thu	142.643.836
Bù trừ công nợ	18.666.801.927
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	56.613.460.984
Nhận nợ	85.054.938.017

Công ty CP Xây dựng số 2 Thăng Long

Cho vay	345.000.000
Bù trừ công nợ	2.525.395.480
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	2.260.000.000

Công ty CP Xây dựng số 4 Thăng Long

Tạm ứng công trình	6.413.650.625
Cho vay	8.843.147.893
Bù trừ công nợ	30.749.662.230
Trừ nợ cổ tức	500.000.000
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	1.159.746.598
Nhận nợ	17.338.017.035

Công ty CP Xây dựng số 8 Thăng Long

Cho vay	46.000.000
Lãi vay phải thu	308.957.115

Công ty CP Xây dựng số 9 Thăng Long

Bù trừ công nợ	76.793.962
Nhận nợ	12.553.240

Công ty CP Xây dựng Vận tải Thăng Long	9.936.526.000
Cho vay	8.453.147.61
Nhận nợ	
Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	2.000.000.000
Trả tiền hoàn thuế GTGT	4.500.000.00
Cho vay	495.947.895
Lãi vay phải thu	8.220.950.40
Bù trừ công nợ	1.500.000.000
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	8.395.503.866
Nhận nợ	
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	4.714.421.351
Thu lãi vay	
Công ty TNHH Bê tông Thăng Long-Mêkong	1.271.693.10
Thu tiền thuê dụng cụ sản xuất	796.286.700
Bù trừ công nợ	
Công ty TNHH Mitsui Thăng Long	418.413.000
Trả phí	
Công ty CP Cầu 5 Thăng Long	1.587.134.16
Bù trừ công nợ	8.286.315.091
Thanh toán công nợ	5.000.000.00
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	1.587.131.160
Bù trừ công nợ	1.174.127.23
Nhận nợ	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	6.389.420.868
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	3.499.945.40
Nhận nợ	

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Đầu kỳ</i>	<i>Cuối kỳ</i>
<u>Nợ phải thu</u>		
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	58.435.561.667	47.545.860.660
+ Phải thu khác	298.046.000	298.046.000
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	39.277.599.739	35.621.276.51
+ Phải thu khác	1.524.634.345	1.524.634.34
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long		
+ Trả trước cho người bán	23.758.488.605	21.844.565.42
+ Phải thu khác	1.869.651.270	1.869.651.27

Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Xây dựng Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	10.468.216.663	10.406.719.120
---------------------------	----------------	----------------

Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	43.222.272.969	295.000.000
+ Phải thu khác	4.955.604.000	4.955.604.000

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long

Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	7.857.474.283	7.514.472.358
+ Phải thu khác	1.117.682.500	1.617.682.500

Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	51.561.846.194	66.062.925.098
+ Phải thu khác		

Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	24.235.876.572	11.926.659.122
+ Phải thu khác	504.173.280	504.173.280

Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	58.826.961.366	48.657.345.709
+ Phải thu khác	227.753.772	227.753.772

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	37.433.626.442	38.351.324.182
+ Phải thu khác	151.029.900	151.029.900

Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	61.910.170.296	72.239.057.897
+ Phải thu khác		

Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	14.295.411.381	24.488.626.530
+ Phải thu khác	1.338.230.000	1.338.230.000

Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long

+ Phải thu khác	772.269.000	772.269.000
-----------------	-------------	-------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	47.296.906.408	46.941.949.293
---------------------------	----------------	----------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	12.198.038.512	12.236.435.493
+ Phải thu khác	784.812.465	784.812.465

Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	12.859.534.936	10.321.954.296
+ Phải thu khác	290.847.145	290.847.145

Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	1.587.134.160	1.587.134.160
---------------------------	---------------	---------------

Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	-	418.473.000
---------------------------	---	-------------

Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long

+ Trả trước cho người bán	661.118.751	226.712.350
---------------------------	-------------	-------------

Cộng	642.234.675.215	543.290.843.606
-------------	------------------------	------------------------

Nợ phải trả

Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	17.924.721.724	17.946.660.960
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	4.133.740.904	1.020.823.102
+ Phải trả khác	165.000.000	165.000.000
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	27.890.945.115	12.694.442.237
+ Phải trả khác	160.000.000	160.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thăng Long		
+ Phải trả người bán	494.334.968	398.105.807
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long		
+ Phải trả người bán	9.631.056.042	6.846.027.377
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	2.979.068.782	2.675.629.190
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	8.792.859.631	9.307.828.071
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	4.524.053.703	6.226.871.692
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	16.425.957.420	29.046.636.302
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	18.510.835.223	22.033.532.961
Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long		
+ Phải trả người bán	41.777.858.865	28.921.490.937
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	36.990.677.607	16.880.143.516
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long		
+ Phải trả người bán	1.111.098.792	1.216.616.553
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	5.026.501.462	5.026.501.462
+ Phải trả khác	1.004.314.900	1.004.314.900
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	8.175.997.133	8.201.840.871
+ Phải trả khác	165.000.000	165.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long		
+ Phải trả người bán	1.478.413.047	325.711.091
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long		
+ Phải trả người bán	1.174.127.237	14.873.446.251
Cộng	220.869.952.484	201.313.109.824

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Thành phố Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu



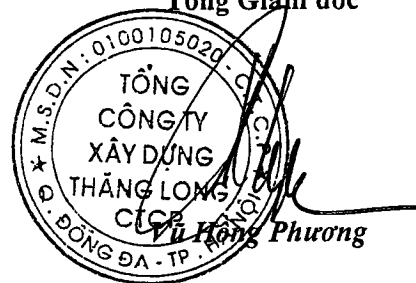
Nguyễn Quang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Văn An

Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 27/05/2014

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình - Phụ lục 01

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>41.006.428.723</i>	<i>65.709.189.804</i>	<i>12.056.830.951</i>	<i>3.059.019.984</i>	-	<i>121.831.469.462</i>
- Mua trong kỳ	-	8.061.423.746	1.329.803.637	368.568.455	-	9.759.795.838
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	550.085.165	-	-	-	-	550.085.165
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(297.158.971)	-	(252.926.194)	-	(550.085.165)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>41.556.513.888</i>	<i>73.473.454.579</i>	<i>13.386.634.588</i>	<i>3.174.662.245</i>	-	<i>131.591.265.300</i>
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>24.958.992.780</i>	<i>49.587.368.344</i>	<i>6.979.721.370</i>	<i>1.857.682.784</i>	-	<i>83.383.765.278</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.006.561.429	1.841.950.053	677.974.338	226.085.929	-	3.752.571.749
- Tăng khác	416.611.513	-	-	-	-	416.611.513
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(268.023.346)	-	(148.588.167)	-	(416.611.513)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>26.382.165.722</i>	<i>51.161.295.051</i>	<i>7.657.695.708</i>	<i>1.935.180.546</i>	-	<i>87.136.337.027</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	<i>16.047.435.943</i>	<i>16.121.821.460</i>	<i>5.077.109.581</i>	<i>1.201.337.200</i>	-	<i>38.447.704.184</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>15.174.348.166</i>	<i>22.312.159.528</i>	<i>5.728.938.880</i>	<i>1.239.481.699</i>	-	<i>44.454.928.273</i>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 27/05/2014

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu - Phụ lục 02

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	188.553.484.957	30.856.509.850	8.314.654.827	4.835.585.551	-	-	232.560.235.185
Tăng vốn trong kỳ	5.578.329.212	-	-	-	-	-	5.578.329.212
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	4.652.807.441	4.652.807.441
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(5.748.831.726)	-	(30.615.062)	(69.880.396)	-	-	(5.849.327.184)
Số dư cuối kỳ	188.382.982.443	30.856.509.850	8.284.039.765	4.765.705.155	-	4.652.807.441	236.942.044.654